

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HS-ST

Ngày: 30/6/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bình Quân.

2. Ông Nguyễn Văn Kỹ.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Chu Văn H, sinh năm 1985 tại Bắc Giang; nơi ĐKHKTT: thôn Bình V, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở hiện nay: Chung cư Hòa Long, phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc công ty; con ông Chu Văn H, sinh năm 1956 và bà Lưu Thị D, sinh năm 1955; gia đình có 03 anh, chị, em bị cáo là con thứ ba; vợ: Lê Thị Nh, sinh năm 1996; con: Có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Hiện tại ngoại. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; HKTT: khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Kim O, sinh năm 1986; HKTT: khu Tiền Trong, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1985; HKTT: số 356 khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Chị Trần Thị L1, sinh năm 1988; HKTT: khu phố Đồng Phúc, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1984. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Đều trú tại: thôn Thọ Trai, xã Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

4. Chị Lê Thị T, sinh năm 1986. Đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Chị Lê Thị Nh, sinh năm 1996. Đề nghị xét xử vắng mặt.

Đều trú tại: khu phố Trịnh Xá, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH thương mại vận tải A (Công ty A) có trụ sở tại Lô 43, khu 10, thôn Đông, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, được Sở Kế hoạch & đầu tư TP Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 14/03/2016, ngành nghề sản xuất, bán buôn kim loại, quặng kim loại. Giám đốc, người đại diện theo pháp luật là Chu Văn H, sinh năm 1985, Nơi ĐKKTT tại: thôn Bình V, xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Chỗ ở: Chung cư Hòa Long, phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, ngành nghề kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ B (Công ty B) có trụ sở tại số 26, đường Nguyễn Đăng Đạo, khu 10, phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, được Sở Kế hoạch & đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 17/6/2015, ngành nghề xây dựng nhà các loại. Giám đốc, người đại diện theo pháp luật là Chu Văn H.

Quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh đến khoảng tháng 10/2019, Chu Văn H thấy có nhiều người đến mua hàng và đặt vấn đề nhờ H xuất không hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn GTGT) không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Sau đó, H trực tiếp đứng ra trao đổi, thỏa thuận với khách hàng về việc bán không hóa đơn GTGT, với giá bán không là 2% trên tổng trị giá tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi trên hóa đơn GTGT. Để thực hiện việc bán

không hóa đơn, H yêu cầu khách hàng cung cấp trước thông tin về tên đơn vị, mã số thuế doanh nghiệp, địa chỉ, số lượng, chủng loại hàng hóa; khi được khách hàng cung cấp các thông tin này, thì H chỉ đạo Trần Thị L1, sinh năm 1988 trú tại khu Phố Đồng Phúc, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là kế toán của Công ty, kế toán báo cáo thuế do H thuê và được trả lương 6.000.000đ trên tháng, viết nội dung vào tờ hóa đơn GTGT, soạn thảo hợp đồng kinh tế, hợp đồng nguyên tắc, biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu xuất kho, biên bản thanh lý hợp đồng,...theo các thông tin do H cung cấp. Mỗi lần yêu cầu Lý viết hóa đơn, chứng từ H đều không trao đổi hay nói gì cho Lý biết về việc H bán không hóa đơn cho khách hàng. Sau khi viết xong, Lý chuyển lại toàn bộ hóa đơn, chứng từ cho H để H ký, đóng dấu Giám đốc Công ty A và B hoặc nếu không có kế toán thì H trực tiếp đưa cho khách hàng quyền hóa đơn, ủy nhiệm chi của Công ty A và B đã ký, đóng dấu Công ty để khách hàng tự viết nội dung, hoàn thiện hồ sơ. Để hợp thức hóa việc bán không hóa đơn GTGT, H yêu cầu khách hàng chuyển số tiền hàng và tiền thuế ghi trên hóa đơn GTGT vào tài khoản của Công ty A số 25610001732841 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Kinh Bắc và Công ty B số 0001016173850 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Kinh Bắc. Sau đó, H nhờ Trần Thị L1; Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1984 và Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1994, cùng trú tại: thôn Thọ Trai, xã Tam Sơn, TP Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Lê Thị T, sinh năm 1986 và Lê Thị Nh, sinh năm 1996, cùng trú tại: khu phố Trịnh Xá, phường Châu Khê, TP Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục rút toàn bộ số tiền khách hàng chuyển và đưa lại tiền cho H, mỗi lần rút tiền thì H trả người rút tiền hộ từ 100.000đ đến 200.000đ. Sau khi nhận được tiền, H giữ lại 2% tổng tiền hàng không chưa thuế ghi trên hóa đơn là tiền bán hóa đơn, số còn lại H trả trực tiếp bằng tiền mặt cho khách hàng, không có giấy tờ biên nhận. Những người mua hóa đơn của H đều tự giới thiệu là nhân viên của Công ty mua hóa đơn.

Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2020, Chu Văn H trực tiếp xuất bán không 366 hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty A và Công ty B cho 72 Công ty với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 250.636.906.234đ, tiền thuế là 25.063.690.623đ.

* Số tiền theo Chu Văn H khai nhận đã bán không 366 hóa đơn đầu ra của Công ty A và Công ty B, tổng số tiền hàng là 250.636.906.234đ x 2% (giá bán) = 5.012.738.125đ.

Đề hợp thức hóa 366 số hóa đơn bán không kê trên, Chu Văn H đã tự cân đối, tính toán số lượng, trị giá hàng hóa đã bán không đầu ra của Công ty A và Công ty B theo từng tháng hoặc từng quý, rồi gặp và thỏa thuận với một người đàn ông tự giới thiệu tên là Nam quê ở Hải Phòng, nhưng không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể để mua hoá đơn đầu vào với giá là 1,9% tổng trị giá tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi trên hóa đơn GTGT khớp với số hàng hóa, dịch vụ, chủng loại và trị giá tiền hàng mà H đã xuất bán không cho khách hàng trước đó. Cụ thể, H đã thông qua Nam mua không 165 số hóa đơn. (Phụ lục III, IV) của Công ty TNHH thương mại dịch vụ T (Công ty T) địa chỉ trụ sở tại: số 35 Trại Lẻ, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP Hải Phòng - Giám đốc là ông Nguyễn Đình H; Công ty TNHH TMXD vận tải Q (Công ty Q), địa chỉ trụ sở tại: số 4/229 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng - Giám đốc là ông Phạm Minh N; Công ty TNHH MTV T&M Qu (Công ty Qu) trụ sở địa chỉ tại: Số 95 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng - Giám đốc là ông Phạm Trung K; Công ty TNHH TMVT XNK B2 (Công ty B2) trụ sở địa chỉ tại: Cụm 5, tổ dân phố Tiến Lộc, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng - Giám đốc là bà Lê Thị Phương L; Công ty TNHH kinh doanh thương mại H (Công ty H) trụ sở địa chỉ tại: số 4/136 Nguyễn Văn Hối, phường Thành Tô, quận Hải An, TP Hải Phòng - Giám đốc là bà Trần Thị H; Công ty TNHH kinh doanh thương mại Th (Công ty Th) trụ sở địa chỉ tại: số 42 Tân Tiến, phường Tân Thành, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng - Giám đốc là ông Trịnh Văn G; Công ty TNHH TM và DV Đ (Công ty Đ) trụ sở địa chỉ tại: Số 193 Hàng Kênh, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng - Giám đốc là ông Nguyễn Đức Th; Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ G (Công ty G) địa chỉ trụ sở tại: số 13/229 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng - Giám đốc là bà Đỗ Thị H; Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại H1 (Công ty H1) trụ sở địa chỉ tại: số 106 Dư Hàng, phường Dư Hàng, quận Lê Chân, TP Hải Phòng - Giám đốc là ông Nguyễn Văn S. Tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên 165 hóa đơn GTGT của 09 công ty là 252.485.865.478đ, tiền thuế: 25.248.586.548đ.

* Số tiền theo Chu Văn H khai nhận đã mua không 165 hóa đơn đầu vào của người đàn ông tên Nam của công ty Công ty T, Q, Qu, B2, H, Th, Đ, G và H1 là $252.485.865.478đ \times 1,9\%$ (giá mua) = 4.797.231.444đ.

Đề hợp thức hóa việc mua không hóa đơn của Công ty A và Công ty B, sau khi H nhận được hóa đơn GTGT do Nam chuyển đến, nhưng H không

thực hiện việc thanh toán tiền hàng đối với các hóa đơn đầu vào của Nam, mà chỉ trả Nam tiền mua hóa đơn không là 2%. Như vậy, tổng số tiền Chu Văn H được hưởng lợi từ việc mua 165, bán 366 số hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo là: 5.012.738.125đ - 4.797.231.444đ = 215.506.681đ.

Sau khi tiến hành kiểm tra thuế tại Công ty B, Cơ quan thuế đã phát hiện Công ty B có dấu hiệu rủi ro cao về thuế và có dấu hiệu mua bán hóa đơn không. Do vậy, ngày 17/3/2021, Chi cục thuế khu TP Bắc Ninh đã có văn bản đề nghị Cơ quan CSĐT Công an TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh phối hợp điều tra, xác minh làm rõ việc mua bán hàng hóa của Công ty B để nhằm ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra với Ngân sách Nhà nước. Đồng thời Chi cục thuế khu vực Tiên Du - Quế Võ đã cung cấp tài liệu có dấu hiệu rủi ro cao về thuế và có dấu hiệu mua bán hóa đơn không của Công ty A cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh (PC03). Trong quá trình giải quyết, ngày 29/7/2021 Chu Văn H, Giám đốc Công ty A và Công ty B đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh (PC03) đầu thú, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp 215.507.000đ do mua bán hóa đơn GTGT không mà có.

* Trên cơ sở Quyết định trưng cầu giám định tài liệu của Cơ quan CSĐT Công an TP Bắc Ninh và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh. Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh PC09 đã ra Kết luận giám định số 83/KLGĐTL-PC09 ngày 13/7/2021 Kết luận:

- Tài liệu cần giám định ký hiệu A1 là thật, cùng loại phôi in với tài liệu so sánh ký hiệu M1.

- Tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A20 là thật, cùng loại phôi in với tài liệu so sánh ký hiệu M2.

- Dấu hình tròn có nội dung “CÔNG TY T,N,H,H THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ B” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A44 so với dấu hình tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 và M5 do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên GIÁM ĐỐC Chu Văn H trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A20 so với chữ ký đứng tên ông Chu Văn H trên tài liệu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên GIÁM ĐỐC Chu Văn H trên tài liệu so sánh ký hiệu M3, M4 có phải cùng một người ký ra không (Biên

bản ghi lời khai H ngày 22/3/2021 ký hiệu M3; 02 bản tường trình của H ký hiệu M4).

- Chữ ký đứng tên GIÁM ĐỐC Chu Văn H trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A21 đến A42 và A45 không phải chữ ký trực tiếp là chữ ký được tạo ra bằng phương pháp đóng dấu.

- Hình dấu chức danh có nội dung “ GIÁM ĐỐC Chu Văn H” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A42 và A45 so với dấu chức danh có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Tại Kết luận giám định số 43/KLGĐTL-PC09 ngày 01/4/2022 Kết luận: Chữ ký đứng tên Chu Văn H trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của Chu Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký ra.

* Đối với các Công ty bán hóa đơn cho Công ty A và Công ty B: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành xác minh trụ sở địa chỉ, giám đốc và yêu cầu các Cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu kê khai báo cáo thuế, tài khoản ngân hàng có liên quan đối với Công ty, cụ thể:

- Đối với các Công ty H, Th, B2, T, Q, Qu, Đ, H1 và Công ty G: Công an xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, Công an phường An Dương, quận Lê Chân, Công an thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, Công an phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Công an xã An Đồng, huyện An Dương, Công an phường Việt Hòa, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng cho biết trên địa bàn không có treo biển tên Công ty hay hoạt động gì tại trụ sở đăng ký kinh doanh của Công ty, ông Phạm Trung K, sinh năm 1985, trú tại: số 2B/163 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng và ông Trịnh Văn G, sinh năm 1975, trú tại: thôn Hồng Sơn, xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa cho biết bản thân không biết đứng tên Giám đốc Công ty, không làm việc, hay biết gì đối với Công ty bán hóa đơn, cũng không được ai thuê thành lập Công ty và không tham gia bất kỳ hoạt động gì đối với Công ty. Hiện những người không có mặt tại địa phương, không rõ đang ở đâu gồm: Bà Trần Thị H, sinh năm 1974, trú tại: thôn Đình, xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng; Bà Lê Thị Phương L, sinh năm 1971, trú tại: số 9/17/32/143 Tôn Đức Thắng, phường An Dương, quận Lê Chân, TP Hải Phòng; Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1990, trú tại: khu Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, TP Hải Phòng; Ông Nguyễn Đ, sinh năm

1987, trú tại: xã An Đồng, huyện An Dương, TP Hải Phòng; Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972, trú tại: số 4/8 Chi Hòa, khu 2, phường Việt Hòa, TP Hải Phòng và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1962, trú tại: số 4c 68 Trại Chuối, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

Tài liệu do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch & đầu tư Hải Phòng cung cấp thể hiện Công ty T; Công ty Q; Công ty Qu; Công ty B2, Công ty H; Công ty Th; Công ty G; Công ty H1 đang hoạt động. Riêng Công ty Đ dừng hoạt động từ ngày 01/8/2021.

**** Đối với các Công ty mua hóa đơn cho Công ty A và Công ty B:***

- Các Giám đốc 66 Công ty xác định: Bản thân đều mua hàng của một người hiện không nhớ tên tuổi, địa chỉ và khi bán hàng đều giới thiệu là nhân viên Công ty đến để liên hệ giao dịch bán hàng hóa thật, sau khi bán hàng thì nhân viên này trả hóa đơn, kèm theo các chứng từ liên quan của Công ty A và Công ty B. Sau đó trả tiền hàng bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản Công ty A và Công ty B.

- Xác minh, sao kê tại Ngân hàng 72 Công ty trên đăng ký đều thể hiện các Công ty này chuyển tiền thanh toán hàng hoá đến tài khoản Công ty A và Công ty B.

**** Đối với 06 Công ty đã mua hóa đơn khống của Công ty B gồm:***

1. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T1 (Công ty T1), địa chỉ: số 61 đường Tô Hiến Thành, KĐT Hòa Long Kinh Bắc, phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Giám đốc là Vũ Đức Th, sinh năm 1982, trú tại: khu Phương Vỹ, phường Vũ Ninh, phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng tháng 11/2020 Th chỉ đạo kế toán Công ty là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1988, trú cùng địa chỉ với Th thông qua Nguyễn Thị L, sinh năm 1992, trú tại: khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, TP Bắc Ninh và Ngô Thị H, sinh năm 1986, trú tại: khu Sơn, phường Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh, L1 mua 02 hóa đơn GTGT khống, đơn vị bán hàng là Công ty B với giá 8% tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 80.000.000đ, tiền thuế là 8.000.000đ của Nguyễn Kim O, sinh năm 1986, trú tại: khu Tiền Trong, phường Khắc Niệm, TP Bắc Ninh, việc thanh toán tiền hàng và tiền mua hóa đơn được chuyển khoản cho L là 8.180.000đ, L giữ lại 1.767.300 còn trả O 6.412.700đ, O giữ lại 1.212.700 còn trả H 5.167.000đ. Quá trình điều tra Vũ Đức Th và Nguyễn Thị L1 đã nhận thấy vi phạm, tháng 3/2021 Công ty T1 đã kê khai

điều chỉnh bổ sung bỏ 02 hóa đơn không, L và O đã giao nộp tiền thu lợi bất chính.

2. Công ty TNHH mậu dịch công nghiệp KHKT X (Công ty X), địa chỉ: khu 4 phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Giám đốc là Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1987, trú tại: Đội 3, xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Khoảng tháng 8/2020, kế toán Công ty là Hoàng Thị Thanh H1, sinh năm 1985, trú tại: số 356 khu 4, phường Thị Cầu, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh, mua 01 hóa đơn không, đơn vị bán hàng là Công ty B với giá 7,5% tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 39.842.000đ, tiền thuế là 3.984.200đ của Ngô Thị H, việc thanh toán tiền hàng và tiền mua hóa đơn được chuyển khoản cho H là 2.988.200đ, H1 giữ lại 996.500đ. Quá trình điều tra Nguyễn Thị Ph và Hoàng Thị Thanh H1 đã nhận thấy vi phạm, tháng 3/2021 Công ty X đã kê khai điều chỉnh bổ sung bỏ 01 hóa đơn không, Huyện đã giao nộp tiền thu lợi bất chính.

3. Công ty TNHH công nghiệp A2 (Công ty A2), địa chỉ: số 108A Trần Hưng Đạo, pH Đại Phúc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Giám đốc là Triệu Thị T, sinh năm 1994, trú tại: thôn Bản Phên, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Gia Bình, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng tháng 9/2020 Tiếp chỉ đạo kế toán là Trần Thanh D, sinh năm 1985, trú tại: khu 10, phường Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh mua 03 hóa đơn không, đơn vị bán hàng là Công ty B với giá 10% tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 654.835.420đ, tiền thuế là 65.483.542đ của người tên Khương không rõ họ tên, tuổi địa chỉ cụ thể, việc thanh toán tiền hàng và tiền mua hóa đơn được chuyển khoản, D trả tiền mặt cho Khương, không có giấy tờ biên nhận. Quá trình điều tra Trần Thị T và Trần Thanh D đã nhận thấy vi phạm, Công ty A2 đã kê khai điều chỉnh bổ sung bỏ 03 hóa đơn không.

4. Công ty TNHH Xi (Công ty Xi), địa chỉ: khu 3, phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Giám đốc là Vũ Thị H, sinh năm 1989, trú tại: Môn Tự, phường Nam Sơn, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Công ty TNHH H (Công ty H), địa chỉ: số 80 Nguyễn Văn Trỗi, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Giám đốc là Đàm Thị V, sinh năm 1986, trú tại: thôn Găng, xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh và Công ty TNHH B3 (Công ty B3), địa chỉ: cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Giám đốc: Liu Bing Sh (Quốc tịch Trung Quốc). Đều do Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990, trú tại: khu 6, phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc

Ninh làm kế toán. Khoảng tháng 9/2020, Vũ Thị H, Đàm Thị V, Li chỉ đạo Y mua 03 hóa đơn khống, đơn vị bán hàng là Công ty B với giá 9% tổng số tiền là 129.427.320đ, tiền thuế là 12.942.732đ của Ngô Thị H, việc thanh toán tiền hàng và tiền mua hóa đơn được chuyển khoản cho H là 10.647.320đ. Quá trình điều tra Vũ Thị H, Đàm Thị V, Li và Y đã nhận thấy vi phạm, tháng 3/2021 Công ty Xi; Hi; B3 đã kê khai điều chỉnh bổ sung bỏ 03 hóa đơn khống.

- Ngô Thị H đã thừa nhận việc mua, bán hóa đơn khống là vi phạm, Do Y, H1, O là bạn học nên H đã mua hóa đơn khống của người tự giới thiệu tên là Hoa, nhưng không biết họ tên, tuổi địa chỉ cụ thể với giá từ 6,5% đến 9% để bán cho Y, O, H1, số tiền H nhận được từ bán hóa đơn thì H lại trả cho H2 và không được hưởng lợi gì. H khai nhận không bán khống hóa đơn GTGT cho 06 Công ty trên.

* Đối với những người liên quan đến việc viết hóa đơn, chứng từ và rút tiền từ tài khoản Ngân hàng cho H đã khai nhận như sau:

- Trần Thị L1 khai nhận: Khoảng tháng 2/2020 H có thuê Lý làm kế toán Công ty A và Công ty B, được trả lương 6.000.000đ trên tháng, nhiệm vụ là soạn thảo các hợp đồng, biên bản giao nhận hàng, phiếu xuất kho, viết hóa đơn GTGT, nộp, rút tiền tài khoản tại Ngân hàng, tổng hợp tài liệu, chứng từ báo cáo thuế. L không biết việc H mua, bán hóa đơn khống, không được hưởng lợi gì.

- Nguyễn Thị Kim H; Lê Thị T; Lê Thị Nh và Nguyễn Thị Ph khai nhận: Bản thân đều là người quen biết của H, được H nhờ đi rút tiền từ tài khoản Công ty, sau đó đưa lại toàn bộ số tiền cho H, mỗi lần đi rút tiền H trả từ 100.000đ đến 200.000đ. Khi đi rút tiền đều được H thông báo đã trả tiền mặt trực tiếp khi mua hàng rồi, việc rút tiền chỉ hoàn tiền thủ tục hồ sơ quyết toán thuế. Không biết việc H mua, bán hóa đơn khống, không được hưởng lợi gì.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh trụ sở, địa chỉ kinh doanh của các Công ty mua hóa đơn kết quả: Các Công ty này đều hoạt động tại trụ sở, địa chỉ đăng ký kinh doanh. Giám đốc các Công ty này đều khai nhận có hoạt động kinh doanh với 02 Công ty của Chu Văn H và giao nộp chứng từ, tài liệu liên quan đến nội dung này. Do vậy không có đủ cơ sở xác định hành vi mua bán trái phép hoá đơn đối với các Công ty này.

- Vật chứng: Tổng số 219.483.500đ, (Trong đó 215.507.000đ của H; 1.767.300đ của L; 1.212.700đ của O và 996.500đ của H1).

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKSBN-P1 ngày 06/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Chu Văn H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Chu Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Bản thân H đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 215.507.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn và trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo tự nguyện nộp số tiền 300.200.000 đồng để đảm bảo thi hành án nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Kim O và chị Hoàng Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình điều tra điều trình bày đã tự nguyện giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính trong đó chị Lộc giao nộp số tiền 1.767.300; chị Oanh giao nộp số tiền 1.212.700 đồng, chị Huyền giao nộp số tiền 996.500 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Chu Văn H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt: Chu Văn H từ 250 triệu đồng đến 300 triệu đồng. Xác nhận bị cáo H đã nộp 300.200.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 215.507.000 đồng của bị cáo H; 1.767.300 đồng của chị Nguyễn Thị L; 1.212.700 đồng của chị Nguyễn Kim O; 996.500 đồng của chị Hoàng Thị Thanh H. Xác nhận bị cáo H và những người liên quan đã nộp đủ số tiền này trong quá trình điều tra.

Bị cáo Chu Văn H không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2021, Chu Văn H Giám đốc Công ty A và B, đã có hành vi sử dụng hoá đơn của Công ty A và B bán không 366 hóa đơn cho 72 Công ty với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn GTGT là 251.894.267.612 đồng, với giá 2% trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, thu được tổng số tiền là 5.037.885.352 đồng. Sau đó, H mua không 165 số hóa đơn của 09 Công ty, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn GTGT là 252.842.189.749 đồng, với giá 1,9% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, tổng số tiền H phải trả để mua không hóa đơn là 4.804.001.605 đồng. Số tiền H được hưởng lợi là $5.012.738.125đ - 4.797.231.444đ = 215.507.000đ$, ngày 29/7/2021 H đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh (PC03) đầu thú khai báo thành khẩn và tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính là 215.507.000 đồng. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Chu Văn H đã phạm vào tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố là phù hợp.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới trật tự quản lý của nhà nước về tài chính, kinh tế, ảnh hưởng xấu đến sản xuất, kinh doanh. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX nhận thấy:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú; tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 215.507.000 đồng và trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo tự nguyện nộp 300.200.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

HĐXX nhận thấy, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo tự nguyện nộp 300.200.000 đồng nên có khả năng thi hành hình phạt chính là phạt tiền. Vì vậy, cần chiếu cố, khoan hồng, xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

[5]. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 219.483.500 đồng (trong đó 215.507.000 đồng là của bị cáo H; 1.767.300 đồng của chị L; 1.212.700 đồng của chị O; 996.500 đồng của chị H1) là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6]. Về những vấn đề khác:

- Đối với Trần Thị L1; Nguyễn Thị Kim H; Lê Thị T; Lê Thị Nh và Nguyễn Thị Ph là kế toán, làm thủ tục hợp thức hóa đơn, chuyển, rút tiền, báo cáo thuế cho Chu Văn H, nhưng không biết việc H mua, bán hóa đơn không, không được hưởng lợi gì, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

- Đối với đàn ông tên là Nam đã bán hóa đơn không cho H, nhưng H không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của Nam ở đâu, nên chưa đủ cơ sở để xác minh. Do vậy, khi nào Cơ quan điều tra xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

- Đối với các hóa đơn đầu vào của 9 Công ty xuất hóa đơn cho Công ty của H, do các Công ty này không có địa chỉ đăng ký kinh doanh, các Giám đốc của các Công ty này đều khai nhận không đứng ra thành lập Công ty, không biết gì về hoạt động của các Công ty này. Do vậy, Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 72 Công ty mua hóa đơn bất hợp pháp của Công ty A và Công ty B do H xuất hóa đơn không, Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi đến Cơ quan Thuế theo địa chỉ của các Công ty mua hóa đơn, để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Chu Văn H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Chu Văn H 300 (Ba trăm) triệu đồng. Xác nhận bị cáo H đã nộp số tiền 300.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000468 ngày 29/6/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 219.483.500 đồng (Trong đó 215.507.000 đồng của bị cáo H; 1.767.300 đồng của L; 1.212.700 đồng của O và 996.500 đồng của H1). Xác nhận bị cáo H, chị L, chị O và chị H1 đã nộp đủ số tiền 219.483.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0000402 ngày 27/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Bị cáo Chu Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; người bào chữa; bị hại; đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa